

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 95-BQL DA Khe Chàm II/IV - Tổ thợ nổ mìn
Tháng 7 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Giờ PN	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ					Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH			
1	32	Tổ thợ lò			42		21.100.000								21.100.000				211.000		211.000	20.889.000	
1	HL-03328	Nguyễn Văn Phúc	Lò trưởng	6.367.000	2	A	1.100.000								1.100.000				11.000		11.000	1.089.000	
2	HL-00534	Đỗ Văn Thuyết	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	6	A	3.000.000								3.000.000				30.000		30.000	2.970.000	
3	HL-01052	Hoàng Văn Thiện	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	6	A	3.000.000								3.000.000				30.000		30.000	2.970.000	
4	HL-01432	Nguyễn Mạnh Cường	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	2	A	1.000.000								1.000.000				10.000		10.000	990.000	
5	HL-02896	Vũ Khắc Hùng	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	6	A	3.000.000								3.000.000				30.000		30.000	2.970.000	
6	HL-00447	Nguyễn Văn Long	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	6	A	3.000.000								3.000.000				30.000		30.000	2.970.000	
7	HL-03532	Chiu A Nhi	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	6	A	3.000.000								3.000.000				30.000		30.000	2.970.000	
8	HL-04790	Nguyễn Tiến Dũng	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	2	A	1.000.000								1.000.000				10.000		10.000	990.000	
9	HL-05044	Lương Văn Tuấn	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	6	A	3.000.000								3.000.000				30.000		30.000	2.970.000	
Tổng cộng					42		21.100.000								21.100.000				211.000		211.000	20.889.000	

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2019
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCLĐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng